

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO TÀI SẢN**  
**CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1**  
Ngày 30 tháng 11 năm 2008

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo: Ngày 03/12/2008

Đơn vị tính: VNĐ

| STT   | TÀI SẢN                              | KỲ BÁO CÁO<br>Ngày 30/11/2008 | KỲ TRƯỚC<br>Ngày 31/10/2008 |
|-------|--------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| 1     | Tiền                                 | 302,611,086,441               | 208,658,219,076             |
| 2     | Các khoản đầu tư                     | 1,287,718,098,064             | 1,392,755,548,491           |
| 2.1   | Trái phiếu                           | 322,007,384,276               | 311,483,659,876             |
| 2.2   | Cổ phiếu                             | 965,710,713,788               | 1,081,271,888,615           |
| 2.2.1 | CP niêm yết                          | 494,857,130,800               | 610,114,417,100             |
| 2.2.2 | CP chưa niêm yết                     | 470,853,582,988               | 471,157,471,515             |
| 3     | Cổ tức được nhận                     | 9,048,596,300                 | 4,694,970,300               |
| 4     | Lãi được nhận                        | 9,700,508,112                 | 17,036,135,175              |
| 4.1   | Lãi trái phiếu                       | 8,686,507,000                 | 14,827,781,000              |
| 4.2   | Lãi TGNH                             | 1,014,001,112                 | 2,208,354,175               |
| 5     | Tiền bán chứng khoán chờ thu         | 9,290,945,400                 | 2,862,870,400               |
| 6     | Các khoản phải thu khác              | -                             | -                           |
| 7     | Các tài sản khác                     | 96,389,280,000                | 81,500,000,000              |
|       | TỔNG TÀI SẢN                         | 1,714,758,514,317             | 1,707,507,743,442           |
| STT   | NỢ                                   | KỲ BÁO CÁO<br>Ngày 30/11/2008 | KỲ TRƯỚC<br>Ngày 31/10/2008 |
| 8     | Tiền phải thanh toán mua chứng khoán | 24,596,195,000                | -                           |
| 9     | Các khoản phải trả khác              | 3,510,335,806                 | 3,391,323,718               |
| 10    | Cổ tức phải trả cho nhà đầu tư VF1   | -                             | -                           |
|       | TỔNG NỢ                              | 28,106,530,806                | 3,391,323,718               |
|       | TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ                 | 1,686,651,983,511             | 1,704,116,419,724           |
| 11    | Tổng số đơn vị quỹ                   | 100,000,000                   | 100,000,000                 |
| 12    | Giá trị của một đơn vị quỹ           | 16,867                        | 17,041                      |

|                            |          |                     |                |             |
|----------------------------|----------|---------------------|----------------|-------------|
| Ngân hàng Giám sát         |          | Công ty Quản Lý Quỹ |                |             |
| Phụ trách bộ phận giám sát | Giám đốc | Người lập biểu      | Kế Toán Trưởng | Tổng Giám Đ |

NGUYỄN T.H.HẠNH      NGUYỄN M.Đ KHÁNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG  
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1**

Ngày 30 tháng 11 năm 2008

1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam

2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)

3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1

4 Ngày lập báo cáo: Ngày 03/12/2008

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU                                                                                             | KỲ BÁO CÁO<br>Ngày 30/11/2008 | KỲ TRƯỚC<br>Ngày 31/10/2008 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| I   | Giá trị tài sản ròng đầu kỳ                                                                          | 1,704,116,419,724             | 1,982,485,273,726           |
| II  | Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ                                                 | (17,464,436,213)              | (278,368,854,002)           |
|     | Trong đó                                                                                             |                               |                             |
| 1   | Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ         | (17,464,436,213)              | (278,368,854,002)           |
| 2   | Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ | -                             | -                           |
| III | Giá trị tài sản ròng cuối kỳ                                                                         | 1,686,651,983,511             | 1,704,116,419,724           |
| IV  | Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ                                                          | 16,867                        | 17,041                      |

Tp.HCM, ngày 03 tháng 12 năm 2008

Ngân Hàng Giám Sát  
Giám Đốc

Công ty Quản lý Quỹ  
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ  
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1**

Tháng 11 năm 2008

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam  
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)  
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1  
4 Ngày lập báo cáo: Ngày 03/12/2008

| STT | CHỈ TIÊU                                                                            | KỲ BÁO CÁO<br>Tháng 11/2008 | KỲ TRƯỚC<br>Tháng 10/2008 | LŨY KẾ TỪ ĐẦU<br>NĂM 2008 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| I   | Thu nhập từ hoạt động đầu tư                                                        | 16,035,534,668              | 12,255,360,860            | 223,877,486,199           |
| 1   | Cổ tức được nhận                                                                    | 10,960,596,300              | 7,341,834,800             | 165,797,184,768           |
| 2   | Lãi được nhận                                                                       | 5,074,938,368               | 4,913,526,060             | 58,080,301,431            |
| 2.1 | Lãi TGNH                                                                            | 2,519,972,368               | 2,683,890,060             | 33,390,847,298            |
| 2.2 | Lãi trái phiếu                                                                      | 2,554,966,000               | 2,229,636,000             | 24,689,454,133            |
| 3   | Thu nhập khác                                                                       | -                           | -                         | -                         |
| II  | Chi phí                                                                             | 3,241,845,294               | 5,009,379,982             | 48,653,625,873            |
| 1   | Phí quản lý quỹ                                                                     | 2,816,061,681               | 2,845,220,589             | 41,370,844,491            |
| 2   | Phí lưu ký, giám sát                                                                | 168,963,701                 | 170,713,235               | 2,482,250,670             |
| 3   | Các loại chi phí khác                                                               | 256,819,912                 | 1,993,446,158             | 4,800,530,712             |
| III | Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)                                            | 12,793,689,374              | 7,245,980,878             | 175,223,860,326           |
| IV  | Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư                                                        | (30,258,125,587)            | (285,614,834,880)         | (2,205,713,407,929)       |
| 1   | Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư                                      | (27,787,538,181)            | (344,080,091)             | (284,920,719,586)         |
| 1.1 | Lãi từ kinh doanh cổ phiếu                                                          | (27,787,538,181)            | (344,080,091)             | (284,920,719,586)         |
| 1.2 | Lãi từ kinh doanh trái phiếu                                                        | -                           | -                         | -                         |
| 2   | Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ                                   | (17,359,867,406)            | (285,270,754,789)         | (1,918,356,968,342)       |
| 2.1 | Đã niêm yết                                                                         | (24,459,703,279)            | (209,827,942,369)         | (1,223,662,744,083)       |
| 2.2 | Chưa niêm yết                                                                       | (3,423,888,527)             | (78,279,466,420)          | (682,978,234,535)         |
| 2.3 | Trái phiếu                                                                          | 10,523,724,400              | 2,836,654,000             | (11,715,989,724)          |
| 3   | Ghi nhận quyền phát hành thêm cp                                                    | 14,889,280,000              | -                         | (2,435,720,000)           |
| V   | Thay đổi của giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III+IV) | (17,464,436,213)            | (278,368,854,002)         | (2,030,489,547,603)       |

|                    |          |                     |                |               |
|--------------------|----------|---------------------|----------------|---------------|
| Ngân hàng giám sát |          | Công ty Quản lý Quỹ |                |               |
| Phụ trách          | Giám đốc | Người lập biểu      | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc |
| bộ phận giám sát   |          |                     |                |               |

NGUYỄN T.H HẠNH      NGUYỄN M.Đ KHÁNH